TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2023/DS-PT
Ngày 28 tháng 12 năm 2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng;

Ông Cao Minh Lễ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-STngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 311/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 329/2023/QĐ-PT ngày 30/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Đặng Văn T, sinh năm 1960; cư trú số 73, L T T, khóm 7, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn T: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; cư trú: Số 73, đường L T T, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G (theo giấy ủy quyền ngày 06/6/2023), có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị Diệu L, sinh năm 1977 (vắng mặt);

2.2. Bà Phạm Thị Diệu T, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng cư trú: số 90, T N V, tổ 4, khóm C T 2, phường C P B, thành phố C Đ, tỉnh A G;

Người đại diện theo ủy quyền của ông bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1983; cư trú: ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 17/8/2023), (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Diệu H, sinh năm 1974, cư trú: Số 54, T T T, khóm B K, phường B K,thành phố L X, tỉnh A G (vắng mặt);

3.2. Ông Đặng Phước T (S), sinh năm 1981, cư trú: số 35, Lý Tự Trọng, khóm 2, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.3. Bà Tô Thị T, sinh năm 1960, cư trú: số 73, Lý Tự Trọng, khóm 7, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.4. Phạm Thị Khánh A, cư trú: số 90, Trưng Nữ Vương, tổ 4, khóm Châu Thới 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện: *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày*: Ngày 17/7/2022, ông T có cho bà L, bà T vay số tiền 5.400.000.000 đồng và ngày 29/10/2022, bà L, T vay số tiền 6.550.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, lãi suất vay 4,5%/tháng, có lập biên nhận nợ. Sau khi vay, bà L, bà T không trả nợ gốc và lãi đúng thỏa thuận nên nay ông T khởi kiện yêu cầu bà L, bà T trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 11.950.000.000 *(mười một tỷ chín trăm năm mươi triệu)* đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi bà L, bà T trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Đặng Văn T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) đề ngày 17/7/2022 (thể hiện số tiền 5.400.000.000 đồng) và Hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) đề ngày 29/10/2022 (thể hiện số tiền 6.550.000.000 đồng); các bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng; các bản sổ phụ tài khoản tiền gửi của ngân hàng;

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị Diệu L, Phạm Thị Diệu T trình bày: Từ khoảng năm 2018, có vay tiền của ông T, nhưng đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi cho phía ông T. Đến ngày 17/7/2022, giữa chúng tôi (L-T) với ông Đặng Văn T đã chốt nợ, xác định chúng tôi (L-T) còn nợ ông T số tiền 5.420.000.000 (Năm tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng). Sau đó, đã chuyển cho ông T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) vào tài khoản của ông T, nên còn nợ ông T số tiền 5.400.000.000 (Năm tỷ bốn trăm triệu đồng). Sau khi viết biên nhận nợ, chúng tôi (L-T) đã chuyển khoản cho ông T từ ngày 19/7/2022

đến ngày 13/9/2022, tổng cộng 20 lần với số tiền 736.360.000 (Bảy trăm ba mơi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng);

Ngày ngày 13/9/2022, chúng tôi (L-T) trả cho ông T số tiền 2.250.000.000 đồng, trong đó trả nợ cho em là Phạm Thị Khánh A số tiền 800.000.000 đồng và trả cho chúng tôi (L-T) 1.450.000.000đồng (đối với số tiền 5.400.000.000 đồng);

Số tiền còn lại 3.950.000.000 đồng; từ ngày 20/9/2022 đến ngày 08/11/2022, chúng tôi (L-T) đã chuyển khoản của ông T nhiều lần (mười bốn lần) với số tiền 432.300.000 đồng;

Từ ngày 12/11/2022 đến ngày 06/01/2023 đã chuyển trả nhiều lần (mười 12 lần) vào tài khoản của ông Đặng Văn T mở tại ngân hàng BIDV và ngân hàng MB) tổng số tiền gốc 1.700.000.000 đồng;

Tổng cộng, chúng tôi (L-T) đã chuyển trả nợ gốc cho ông T với số tiền là 1.450.000.000 đồng + 1.700.000.000 đồng = 3.150.000.000 đồng;

Ngoài ra, L-T còn cho rằng đã chuyển trả vào tài khoản ngân hàng của ông Đặng Văn T từ ngày 19/7/2022 đến ngày 08/11/2022 (tổng cộng 34 lần) với số tiền 1.168.660.000 đồng;

Các tài khoản đã giao dịch với ông T như: ngân hàng ACB, số tài khoản 10092847 của Phạm Thị Diệu T; Ngân hàng MSB, số tài khoản 37188010037703 của Phạm Thị Diệu T; Ngân hàng Agribank, số tài khoản 67002205003514 của Phạm Thị Diệu T; Ngân hàng BIDV, số tài khoản 70210000062185 của Phạm Thị Diệu T; Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB), số tài khoản 012345678889 của ông Đặng Văn T; Ngân hàng BIDV, số tài khoản 70110000089512 của ông Đặng Văn T;

Như vậy đối với số tiền 5.400.000.000 đồng, thì bà T, bà L cho rằng đã trả vốn gốc và lãi cho ông T tổng cộng 4.318.660.000 (Bốn tỷ ba tăm mời tám triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng). Do đó, đối với ông T yêu cầu chúng tôi (L-T) trả số tiền 5.400.000.000, thì chúng tôi (L-T) không đồng ý.

Đối với số tiền 6.550.000.000 (Sáu tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu đồng), bà L, T cùng cho rằng: Vào ngày 29/10/2022, L-T có thỏa thuận cho vay tiền của ông Đặng Văn T với lãi suất là 0,15%/ngày (4,5%/tháng); hai bên có lập hợp đồng vay vốn, việc vay tiền hai bên thỏa thuận bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, từ khi lập hợp đồng vay vốn đến nay, thì ông Đặng Văn T không có chuyển khoản cho bà L, bà T bất cứ khoản tiền nào trong số tiền 6.550.000.000 (Sáu tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu đồng) mà hai bên đã thỏa thuận như trên, nên giao dịch giữa hai bên không có thực hiện. Do đó, bà L, bà T không đồng ý trả số tiền 6.550.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T;

Từ đó, việc ông Đặng Văn T căn cứ vào hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) ngày 17/7/2022 và ngày 29/10/2022 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chúng tôi (L-T) trả gốc tổng cộng số tiền 11.950.000.000 (Mười một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của chúng tôi (L-T). Nên yêu cầu Tòa án xem xét cho

chúng tôi (L-T) chịu lãi suất của pháp luật là 1,66%/tháng tương đương 0,055%/ngày đối với khoản vay 5.400.000.000 đồng từ ngày 19/7/2022 đến ngày 06/01/2023;

Để chứng minh cho lời trình bày, yêu cầu của mình, Phạm Thị Diệu L và Phạm Thị Diệu T đã cung cấp bản photo ra mẫu giấy A4 từ điện thoại, thể hiện những lần L-T đã chuyển tiền cho ông Đặng Văn T đến ngày 06 tháng 01 năm 2023;

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ *Bà Phạm Thị Diệu H trình bày*: Bà với ông T quen biết nhiều năm nay, thông qua việc mua bán và cùng làm ăn với nhau; bà cũng quen biết Phạm Thị Diệu T và Phạm Thị Diệu L, vì nhiều lần có gặp nhau; cũng như nhiều lần ông T nhờ bà H chuyển tiền cho L-T vay. Cụ thể khoản, từ đầu tháng 8 đến cuối tháng 9 năm 2022, bà H đã nhiều lần chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Diệu T được mở tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB); ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV); mục đích chuyển tiền là do ông Đặng Văn T nhờ bà H chuyển dùm, để ông T cho L-T vay đáo nợ ngân hàng với tổng số tiền 15.950.000.000 (mười lăm tỷ chín trăm năm mươi triêu đồng); Diệu T, L đã chuyển vào tài khoản của bà H tổng số tiền 13.450.000.000 (Mười ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng); Số tiền này, bà H đã chuyển trả cho ông Đặng Văn T. Bà H xác định tổng số tiền 15.950.000.000 (mười lăm tỷ chín trăm năm mươi triêu đồng) là tiền của ông T cho L-T vay để đáo nợ ngân hàng, nhờ bà chuyển vào tài khoản của L-T; cũng như số tiền 13.450.000.000 (Mười ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), mà L-T đã chuyển vào tài khoản của bà, thì giữa bà H và ông T đã tất toán (giao trả với nhau đã xong). Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu L-T liên đới trách nhiệm trả tiền, bà H không có ý kiến.

+ *Ông Đặng Phước T trình bày*: Vào ngày 15 tháng 8 năm 2022, ông Đặng Văn T (cha ruột của ông) đến nhà riêng, nhờ ông T chuyển đến tài khoản của Phạm Thị Diệu T (số tài khoản 70210000062185, mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) số tiền 2.100.000.000 (Hai tỷ một trăm triệu đồng); số tiền này, do ông T cho L-T vay; ông T nói cho L-T vay để đáo nợ ngân hàng; còn L-T sử dụng số tiền này như thế nào, thì tôi không rõ. Ông T xác định số tiền 2.100.000.000 (Hai tỷ một trăm triệu đồng), là của ông Đặng Văn T, không phải của ông. Do đó, ông T được toàn quyền quyết định, ông T không có kiến; không tranh chấp với ông Đặng Văn T;

+ *Bà Ngô Thị T trình bày*: Bà là vợ của ông Đặng Văn T. Vào ngày 05 tháng 9 năm 2022, ông T nhờ bà T chuyển đến tài khoản của Phạm Thị Diệu T, mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB) số tiền 2.400.000.000 (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) để cho L-T vay, mục đích ông T cho L-T vay để đáo nợ ngân hàng. Từ ngày, bà chuyển tiền cho L-T đến nay, thì L-T chưa chuyển trả lại cho bà. Đối với số tiền 2.400.000.000 (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), mà tôi (T) đã chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Diệu T là do ông T yêu cầu, bà T xác định số tiền này là của ông T, bà T không tranh chấp với ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-STngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Phạm Thị Diệu T, Phạm Thị Diệu L liên đới trách nhiệm trả ông Đặng Văn T số tiền vốn, lãi số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 25/9/2023) số tiền 3.908.063.000 (Ba tỷ, chín trăm lẻ tám triệu, không trăm sáu mươi ba ngàn đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Giành quyền khởi kiện tranh chấp giữa các đương sự đối với số tiền 6.550.000.000 (Sáu tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng);

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29/9/2023, ông Đặng Văn T gửi đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

- Ngày 9/10/2023 bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T có đơn kháng cáo; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm ngày 25/9/2023, chấp nhận việc hai bà (bà T, bà L) đã trả cho ông T 4.318.660.000 đồng và buộc hai bà trả vốn 1.371.492.500 đồng và áp dụng lãi suất 1,66% từ ngày 19/7/2022 đến ngày 6/01/2023.

- Ngày 4/10/2023, bà Tô Thị T có đơn kháng cáo; không đồng ý với quyết định của Tòa án Châu Đốc xét xử ngày 25/9/2023.

- Ngày 4/10/2023, bà Phạm Thị Diệu H, có đơn kháng cáo; không đồng ý với quyết định của Tòa án Châu Đốc xử ngày 25/9/2023.

- Ngày Ngày 4/10/2023, ông Đặng Phước T (S), có đơn kháng cáo; không đồng ý với quyết định của Tòa án Châu Đốc xử ngày 25/9/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; các bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo; các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Thành T đại diện nguyên đơn trình bày: Đại diện nguyên đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo và rút lại Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 29/9/2023; yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T, bà Phạm Thị D H và ông Đặng Phước T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và không có ý kiến khác.

Ông Nguyễn Văn K đại diện bị đơn trình bày: Bản án buộc bà L, bà T có trách nhiệm trả cho ông T 3.908.065.000 đồng là không đồng ý; bởi bà L, bà T xác nhận chỉ vay số tiền 5.400.000.000 đồng và đã trả cho ông T số tiền 4.318.660.000 đồng; vậy sau khi trừ nợ gốc thì chỉ còn nợ lại 1.371.492.500 đồng. Yêu cầu sửa án sơ thẩm công nhận bà L, bà T đã trả cho ông T 4.318.660.000 đồng và bà L, bà T có nghĩa vụ trả cho ông T 1.371.492.500 đồng là phù hợp và áp dụng lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 19/7/2022 đến ngày 6/01/023. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông K thay đổi một phần yêu cầu cho rằng các bên đương sự giao dịch làm ăn thường thông qua chuyển khoản và liên lạc bằng zalo hay điện thoại; theo sao kê giao dịch qua 04 Ngân hàng cụ thể: Ngân hàng BIDV bà Phạm Thị Diệu T đã chuyển trả cho ông Thủ 24 lần, qua tài khoản của ông T là 1.998.625.000 đồng; Chuyển qua Ngân hàng MSB 19 lần trả số tiền 1.989.059.998 đồng; chuyển trả qua Ngân hàng Nông nghiệp 05 lần trả số tiền là số tiền 322.700.000 đồng và chuyển trả qua Ngân hàng ACB 01 lần trả số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 4.510.000.000 đồng (tròn số), vậy tính đến ngày 147/01/2023 đối trừ với tiền gốc, lãi bị đơn còn nợ nguyên đơn là 5.940.000.000 đồng; trừ số tiền trên bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.430.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/01/2023 đến ngày 25/12/2023 là 267.410.000 đồng và yêu cầu chấp nhận kháng cáo của bị đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đon số tiền 1.697.410.000 đồng và yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc và còn số tiền lãi phát sinh sau này sẽ được hai bên tiếp tục đối chiếu để khấu trừ vào số tiền 6.550.000.000 đồng mà Tòa án Châu Đốc tách ra để giải quyết trong vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Đặng Văn T, bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T, bà Tô Thị T, bà Phạm Thị Diệu H và ông Đặng Phước T, trong hạn luật định là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đối với kháng cáo của bà T, bà L; nhận thấy, tại biên nhận ngày 17/7/2022 thể hiện bà T, bà L có vay của ông T số tiền 5.400.000.000 đồng, hai bên thống nhất số tiền này là tổng kết các khoản vay trước ngày 17/7/2022, cấp sơ thẩm nhận định ông T thừa nhận bà T đã chuyển khoản trả cho ông T tổng cộng 2.779.060.000 đồng nên khấu trừ số tiền này vào tiền lãi là chưa chính xác. Vì các chứng cứ mà ông T, bà T cung cấp là các bản sao kê của ông T tại ngân hàng BIDV, sao kê của bà T tại ngân hàng MSB và BIDV thì bà T đã chuyển khoản cho ông T tổng cộng 4.510.384.998 đồng. Nên bà T, bà L kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền đã trả cho ông T là có căn cứ để chấp nhận. Như vậy, bà T, bà L có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 5.400.000.000 đồng cộng lãi 1.287.123.000 đồng, trừ số tiền đã trả 4.510.384.998 đồng, còn lại là: 2.176.738.000 đồng; bà T, bà L còn phải chịu án phí sơ hẩm là: 75.534.760 đồng.

Vì các lẽ trên; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 5 Điều 308 BLTTDS năm 2015. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông T, bà T, bà H, ông T; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, bà L. Sửa dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc. Bà T, bà L có nghĩa vụ trả cho ông T 2.176.738.000 đồng và án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đặng Văn T, bà Tô Thị T làm đơn kháng cáo và là người cao tuổi có đơn xin miễn tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được chấp nhận; bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T, bà Phạm Thị Diệu H, ông Đặng Phước T, kháng cáo và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các ông T, ông T, ông K, bà T có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy; tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu kháng cáo. Đối với đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 29/9/2023, đại diện nguyên đơn cũng xin rút lại yêu cầu này.

[2.1] Bà Tô Thị T, bà Phạm Thị Diệu H, ông Đặng Phước T, có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L, bà T, xét thấy: Bà L, bà T xác nhận có vay số tiền 5.400.000.000 đồng, phù hợp với số tiền nguyên đơn yêu cầu nên không phải chứng minh; tuy nhiên, bà L, bà T cho rằng đã trả cho ông T số tiền

4.318.660.000 đồng và các bà khẳng định rằng sau khi trừ nợ gốc thì chỉ còn nợ lại 1.371.492.500 đồng và yêu cầu sửa án sơ thẩm công nhận bà L, bà T đã trả cho ông T 4.318.660.000 đồng, yêu cầu chỉ buộc bà L, bà T có nghĩa vụ trả cho ông T 1.371.492.500 đồng và áp dụng lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 19/7/2022 đến ngày 6/01/023. Xét, yêu cầu của bà L, bà T cấp sơ thẩm nhận định không có cở sở; bởi các bà trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh đã trả đúng số tiền nói trên, hơn nữa ông T cũng không thừa nhận lời trình bày của đại diện bị đơn về việc trả số tiền trên.

[3.1] Cấp sơ thẩm nhận định đối với số tiền 5.400.000.000 đồng bà L, bà T, thừa nhận giao dịch vay tiền của ông T từ khoảng năm 2018, đến ngày 17/7/2022 chốt nợ với ông T bằng hợp đồng vay tiền (Biên nhận nhận tiền) với số tiền còn nợ ông Đặng Văn T là 5.400.000.000 đồng.

Bà T, bà L cho rằng từ sau ngày 17/7/2022 đến ngày 06/01/2023 đã chuyển nhiều lần tiền vào tài khoản của ông T để trả vốn gốc và lãi với tổng số tiền 4.318.660.000đồng (trong đó vốn gốc 3.150.000.000 đồng, lãi 1.168.000.000 đồng); bà L, bà T đồng ý trả số tiền còn lại và yêu cầu Tòa án áp dụng lãi suất 1,66% (lãi suất tương đương 20%/năm) từ ngày 19 tháng 7 năm 2022; do đã đóng lãi cao hơn quy định, nên yêu cầu tòa án khấu trừ.

[3.2] Tại cấp sơ thẩm xét; bà L, bà T cùng thống nhất đã giao dịch tiền vay với ông T từ khoảng năm 2018, đến ngày 17/7/2022 kết toán và còn nợ ông Đặng Văn T số tiền 5.400.000.000 đồng như Hợp đồng vay tiền (biên nhận nhận tiền) đề ngày 17/7/2022 đã thể hiện. Nhận định cấp sơ thẩm trong quá trình tố tụng, bà L-T đã cung cấp bản photo những lần chuyển khoản trả tiền cho ông T thông qua hệ thống qua ngân hàng vào tài khoản của ông Đặng Văn T với số tiền 2.272.200.000 (Hai tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu hai, hai trăm ngàn đồng); đối chiếu với tài liệu, chứng cứ là các bản sao kê số lần nhận chuyển tiền vào tài khoản của ông Đặng Văn T mở tại tại ngân hàng là phù hợp nhau về thời gian cả giờ, ngày, tháng, năm. Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn cung cấp thêm bản sao kê các lần chuyển tiền cho ông T qua ngân hàng MSB với tổng số tiền 506.860.000 đồng; đại diện hợp pháp của ông T cũng thừa nhận đã nhận số tiền này.

Tại phiên tòa các đương sự xác định cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông T; bà L, bà T cung cấp (*Các bản sao kê chuyển tiền*) có đủ cơ sở xác định kể từ sau ngày 17/7/2022 đến ngày 06/01/2022, thì L- T đã chuyển vào tài khoản của ông T với tổng số tiền 2.779.060.000 đồng;

Đối với việc L-T cho rằng đã chuyển trả cho ông T đến ngày 06/01/2023 tổng số tiền 4.318.660.000 (Bốn tỷ ba trăm mười tám triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó vốn gốc 3.150.000.000 đồng và lãi 1.168.000.000 đồng, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý, nguyên đơn cho rằng tổng số tiền mà bị đơn chuyển 2.779.060.000 đồng là khoản tiền lãi của hai khoản vay theo hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) đề ngày 17/7/2022 và ngày 29/10/2022 với lãi suất thỏa thuận 4,5%/tháng; cấp sơ thẩm đối chiếu lãi suất đã thỏa thuận theo hai hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) đề ngày 17/7/2022 và ngày 29/10/2022,

thì số tiền L-T đã chuyển là 2.779.060.000 đồng tương đương tiền lãi của hai khoản vay trên; riêng đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn đã giao nộp và tòa án đã thu thập; cho thấy việc bà L bà T cho rằng đã chuyển khoản cho ông T đến ngày 06/01/2023 tổng số tiền 4.318.660.000 đồng, nhưng bị đơn không chứng minh được, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là chưa xem xét đầy đủ các chứng cứ bị đơn cung cấp; về lãi suất các bên thỏa thuận tính lại theo mức lãi suất 20% là phù hợp và cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Từ những viện dẫn trên, cấp sơ thẩm điều chỉnh lãi suất đối với số tiền 5.400.000.000 đồng được tính từ ngày 17/7/2022 đến ngày 25/9/2023 = 435 ngày; lãi suất được tính cụ thể như sau: 5.400.000.000đồng x 20%/năm/365 ngày x 435 ngày = 1.287.123.000 (Một tỷ hai trăm tám mươi ba triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng). Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm buộc bà L, bà T phải cùng liên đới trách nhiệm trả cho ông Đặng Văn T: (5.400.000.000đồng + lãi 1.287.123.000 đồng) – 2.779.060.000 = 3.908.063.000 đồng là chưa chính xác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, bà L. Bởi lẽ, các chứng cứ ông T, bà T cung cấp là các bản sao kê của ông T tại Ngân hàng BIDV, sao kê của bà T tại Ngân hàng MSB và BIDV đã thể hiện trong hồ sơ thì bà T đã chuyển khoản cho ông T tổng cộng số tiền 4.510.384.998 đồng; vì vậy, các chứng cứ mà đại diện bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là có một phần căn cứ được chấp nhận; nên cần sửa án sơ thẩm. Buộc bà T, bà L có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền : 2.176.738.000 đồng (5.400.000.000 đồng cộng lãi 1.287.123.000 đồng, trừ số tiền đã trả 4.510.384.998 đồng) là phù hợp.

[4] Đối với số tiền 6.550.000.000 đồng bà L, bà T thừa nhận chữ ký bên nhận tiền (bên B) là do L-T ký tên ghi họ tên, để thỏa thuận vay của ông T số tiền 6.550.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn (Biên nhận nhận tiền) đề ngày 29/10/2022, phương thức vay tiền là chuyển khoản; nhưng cho rằng từ ngày 29/10/2022 đến nay, thì ông Đặng Văn T không chuyển bất kỳ khoản tiền nào cho bà L, bà T vay trong số tiền 6.550.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Tòa án, ban hành thông báo số 227/TB-TA ngày 06/7/2023 và thông báo số 268/TB-TA ngày 06/7/2023 về việc đối chất các khoản tiền vay đã chuyển cho L-T vay của ông T, nhưng L-T vắng mặt không tham gia đối chất và thông báo số 13/TB-TA ngày 03/7/2023 về việc yêu cầu Phạm Thị Diệu T, Phạm Thị Diệu L cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc không nợ ông T tổng cộng là 11.950.000.000 *(mười một tỷ chín trăm năm mươi triệu)* đồng; L-T đã nhận được thông báo nhưng không trình bày ý kiến, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là không còn nợ ông T tổng số tiền 11.950.000.000 đồng. Lời khai của bà H; bà T và ông T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà ông Đặng Văn T đã giao nộp cho Tòa án.

Tuy nhiên, bà L, bà T (người đại diện hợp pháp của L T) không thừa nhận có nợ ông T số tiền 6.550.000.000 đồng như "Hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) đề ngày 29/10/2022". Đại diện nguyên đơn thì cho rằng "Hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) đề ngày 29/10/2022" là kết toán các khoản mà L - T vay kể từ sau ngày 17 tháng 7 năm 2022 đến ngày 29 tháng 10 năm 2022; trong quá trình

giải quyết vụ án, L-T có đơn và tờ tường trình yêu cầu đề ngày 06/6/2023, cho rằng đã trả giùm cho em là Phạm Thị Khánh A số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng), nhưng đến nay L-T vẫn chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh ý kiến đã trình bày đề ngày 06/6/2023; Tòa án cũng đã có yêu cầu L-T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nhưng đến nay (ngày 25/9/2023) L-T vẫn chưa cung cấp.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn nhận định, theo các sao kê do ông Đặng Văn T giao nộp cho Tòa án, đã thể hiện ông T có chuyển tiền vào tài khoản của Phạm Thị Khánh A mở tại ngân hàng BIDV sau ngày 17/7/2022 số tiền 3.700.000.000 (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng); cũng như ông T có chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Diệu T ngày 05/9/2022 số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), cũng như các bản sao kê người thân của ông T đã chuyển tiền như đã nhận định trên. Nên từ đó, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Phạm Thị Khánh A; Phạm Thị Diệu L và Phạm Thị Diệu T đến Tòa án để các đương sự trong vụ án đối chất với nhau về tất cả các khoản vay tiền đã chuyển, đã giao nhận; trong đó có việc ông T nhờ người thân chuyển tiền vào tài khoản của L - T. Nhưng, Phạm Thị Diệu L; Phạm Thị Diệu T và Phạm Thị Khánh A điều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành đối chất được và theo các tài liệu, chứng cứ do ông T đã giao nộp, cũng như tài liệu chứng cứ do bị đơn (L-T); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (T; H;T) đã giao nộp cho Tòa án; cho thấy số tiền mà ông T và người thân của ông T chuyển đã chuyển khoản cho L- T và chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Khánh A (Khánh A là em ruột của L-T), thì số tiền còn nợ lại lên đến 10.900.000.000 đồng, nhưng ông T lại khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền chỉ có 6.550.000.000 đồng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, cũng như đảm bảo về thời gian để các đương sự tự cung cấp hoặc yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến trình bày của mình, cũng như cần làm rõ về số tiền đã giao nhận còn nợ lại là bao nhiêu (*10.900.000.000 đồng hay 6.550.000.000 đồng*). Từ đó, cấp sơ thẩm lại nhận định tách ra giành quyền cho các đương sự tranh chấp khởi kiện bằng vụ án khác là chưa giải quyết triệt để; lẽ ra cần làm rõ giải quyết trong cùng vụ án mà không phải tách ra; cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, xét thấy vụ án cũng được tách ra giải quyết trong vụ kiện khác cũng không mất đi quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và cả bị đơn; nên Hội đồng xét xử, không xem xét đối với số tiền này.

[5] Ông Đặng Văn T, bà Tô Thị T, bà Phạm Thị Diệu H, ông Đặng Phước T, tại phiên tòa các ông, bà đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; nên Hội đồng xét xử đình chỉ kháng cáo của các ông, bà. Đối với ông Đặng Văn T đã rút lại Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 29/9/2023; vì vậy, Hội đồng xét xử không đặc vấn đề xem xét.

[5.1] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Diệu L, Phạm Thị Diệu T có phần có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L, bà T. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án dân sự sơ

thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ, nên án phí cũng được xem xét lại; bà T, bà L có nghĩa vụ chịu 75.534.760 đồng.

[7] Về án phí phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Văn T, bà Tô Thị T, bà Phạm Thị Diệu H, ông Đặng Phước T, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí; nhưng do ông T, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí; bà H, ông T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng của từng người theo biên lai thu số 0003499; 0003500 cùng ngày 9/10/2023 của Chi cục Thi hàn án dân sự thành phố Châu Đốc.

Bà Phạm Thị Diệu L, Phạm Thị Diệu T không phải chịu án phí, mỗi người được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003591, 0003592 cùng ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hàn án dân sự thành phố Châu Đốc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn T, bà Tô Thị T, bà Phạm Thị Diệu H, ông Đặng Phước T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Phạm Thị Diệu T, Phạm Thị Diệu L liên đới trách nhiệm trả ông Đặng Văn T số tiền vốn, lãi số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 25/9/2023) số tiền 2.176.738.000 đồng (hai tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Giành quyền khởi kiện tranh chấp giữa các đương sự đối với số tiền 6.550.000.000 (Sáu tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng);

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn T, bà Tô Thị T, bà Phạm Thị Diệu H, ông Đặng Phước T, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí; nhưng do ông T, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí; bà H, ông T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng của từng người theo biên lai thu số 0003499; 0003500 cùng ngày 9/10/2023 của Chi cục Thi hàn án dân sự thành phố Châu Đốc.

Bà Phạm Thị Diệu L, Phạm Thị Diệu T không phải chịu án phí, mỗi người được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003591, 0003592 cùng ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hàn án dân sự thành phố Châu Đốc.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Diệu T, bà Phạm Thị Diệu L phải chịu số tiền 75.534.760 đồng (bảy mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng).

- Ông Đặng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TP.Châu Đốc;
- Chi cục THA-DS TP.Châu Đốc;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Hải

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thuận Tùng **Cao Minh Lễ** **Trần Minh Hải**

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khưu Để Dành **Đào Chí Keo** **Trần Minh Hải**